

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HS-PT

Ngày: 27 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Khôi

Ông Phạm Thanh Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 93/2024/TLPT - HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Kiều Đình Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Kiều Đình Đ, sinh năm 1965 tại huyện H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Đình S (đã chết) và bà Tống Thị T; vợ: Phạm Thị G; có 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Kiều Đình Đ theo yêu cầu: ông Lê Văn B - Luật sư - Văn phòng L5 - Đoàn Luật sư tỉnh T.

Bị hại:

1. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1976; nơi cư trú: xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

3. Ông Vũ Văn Đ1, sinh năm 1949; nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

4. Chị Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1989; nơi cư trú: xóm 2 Thượng Hòa, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

5. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1966; nơi cư trú: xóm E, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

6. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

7. Chị Lâm Thị L1, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
8. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
9. Chị Trần Thị C1, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
10. Anh Bùi Văn C2, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
11. Chị Lã Thị Thu H2, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
12. Chị Trịnh Thị H3, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
13. Chị Trịnh Thị H4, sinh năm 1984; nơi cư trú: phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.
14. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: xóm E, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
15. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
16. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
17. Bà Vũ Thị C3, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
18. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
19. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1986; nơi cư trú: phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.
20. Chị Vũ Thị H6, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
21. Chị Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
22. Chị Đinh Thị Phương L3, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
23. Chị Phạm Thị L4, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
24. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
25. Ông Phạm Văn H7, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
26. Ông Đào Nguyễn Đ2, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
27. Chị Mai Thị X, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.
28. Chị Dương Thị N1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

29. Vợ chồng bà Vũ Thị H8, ông Phạm Hữu T4; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

30. Chị Trịnh Thị Hương T5, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

31. Chị Vũ Thị Kim C4, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

32. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

33. Anh Bùi Công T6, sinh năm 1975; nơi cư trú: xóm C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình;

34. Anh Hoàng Văn T7, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

35. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

36. Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

37. Anh Nguyễn Trắc B1, sinh năm 1987; nơi cư trú: xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

38. Chị Nguyễn Thị C5, sinh năm 1984; nơi cư trú: xóm G, thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

39. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966; nơi cư trú: xóm N, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

40. Chị Phạm Thị M1, sinh năm 1989; nơi cư trú: xóm Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

41. Bà Nguyễn Thị H9, sinh năm 1973; nơi cư trú: xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

42. Anh Vũ Thiện T10, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

43. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

44. Anh Vũ Văn T11, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

45. Chị Vũ Thị N2, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình - đại diện hợp pháp của bị hại.

46. Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Xuân H10, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

47. Chị Kiều Thị Thanh B2, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm T, thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình;

Đại diện theo ủy quyền của chị Kiều Thị Thanh B2: Anh Kiều Đình N3, sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt : Chị Đình Thị Phương L3, anh Bùi Công T6; Anh Kiều Đình N3; Những bị hại khác đều vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ban quản lý chợ G2 - xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình:

Đại diện theo pháp luật: ông Vũ Hồng H11 - Phó chủ tịch - Trưởng ban quản lý chợ, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

2. Ông Lê Huy T12, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

3. Anh Bùi Văn N4, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

4. Anh Đào Tử P1, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ *Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Ninh Bình:* bà bà Phạm Thị Hằng N5 – Chủ tịch hội đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Đình Đ là người làm nghề tự do, Đ không được đào tạo cấp chứng chỉ về hàn cắt, huấn luyện và cấp chứng chỉ về an toàn lao động, nhưng tự học, biết nghề hàn điện nên đã mua máy hàn điện để hàn vật dụng trong gia đình. Năm 2014, Đ và chị Phạm Thị G, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (*là vợ của Đ*) ký hợp đồng với UBND xã G thuê 01 gian Đình chợ số 40 (tương ứng với gian hàng ký hiệu B7 theo sơ đồ khám nghiệm hiện trường) để bán hàng quần áo tại chợ G2. Quá trình thuê Đình chợ số 40 để kinh doanh, Đ có sửa chữa lắp đặt thêm phần cửa xếp, giá treo hàng và vách ngăn để phục vụ việc bán hàng. Chiều ngày 08/11/2019, khi bán hàng tại chợ G2, chị G thấy giá treo quần áo trong gian hàng của gia đình bị gãy bung mối hàn. Sau khi đi bán hàng tại chợ G2 về nhà, khoảng 19 giờ cùng ngày trong lúc gia đình ngồi ăn cơm, chị G có nói chuyện với Đ và mọi người trong gia đình: “*Hôm nay cái giá treo quần áo trong cửa hàng bị gãy, không treo được*”, Đ không nói gì.

Đến sáng ngày 09/11/2019, do chợ Gián chỉ họp buổi chiều nên chị G ở nhà dọn dẹp nhà. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/11/2019, Đ nói với chị G: “*Bà đi với tôi lên mở cửa ki ốt ở Chợ để tôi sửa lại giá treo với cái kệ hàng*”. Sau đó, Đ mang theo 01 máy hàn điện xách tay nhãn hiệu JASIC, 01 máy cắt mài cầm tay (không rõ nhãn hiệu), que hàn và 02 đoạn sắt hộp kích thước (2x4)cm, chiều dài khoảng 0m50 đến 1m50 (Đ đã chuẩn bị sẵn) điều khiển xe mô tô chở chị G đi đến chợ G2, xã G để sửa, hàn giá treo hàng trong gian hàng Đình số 40 của gia đình thuê tại chợ G2. Do chợ G2 chỉ họp vào buổi chiều hàng ngày nên lúc này phần lớn các ki ốt, gian hàng trong chợ đều đóng cửa, chỉ có một số ki ốt, gian hàng có người đến dọn dẹp, cửa cổng chợ phía Tây mở để các hộ kinh doanh ra vào dọn dẹp vận chuyển hàng hoá. Khi mang máy hàn vào chợ G1 và quá trình Đ thực hiện việc hàn điện trong gian hàng Đình số 40, Đ không xin phép Ban quản lý chợ G2, không báo cho bảo vệ chợ và không thông báo cho các hộ kinh doanh liên kề biết việc sửa chữa hàn điện tại gian hàng Đình số 40 của mình. Trước khi hàn, Đ và chị G chỉ dọn hàng hóa trong gian hàng của mình ra ngoài lối đi trước cửa, ngoài ra Đ không áp dụng các

biện pháp an toàn về phòng cháy, chữa cháy khác, không ngăn chặn nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy. Sau đó Đ đặt máy hàn xách tay nhãn hiệu JASIC tại lối đi trước cửa gian hàng của gia đình, kéo dây điện cắm vào ổ cắm hệ thống điện trong gian hàng đặt tại vách ngăn giữa gian hàng Đình số 40 và gian hàng Đình số 39 (B6) bên cạnh, một đầu dây mát của máy hàn Đ kẹp vào giá sắt bên trong gian hàng Đình số 40 và tiến hành hàn kệ để hàng tại lối đi trước cửa gian hàng. Sau khi Đ hàn xong kệ để hàng thì lúc này chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, trú tại xã G, huyện G (chủ gian hàng Đình số 38 (B5) đang dọn dẹp hàng thấy vậy nên nhờ Đ hàn giúp 02 thanh sắt treo hàng bên trong gian hàng của chị H. Trong quá trình hàn và kết thúc hàn trong gian hàng Đình số 38 (B5) của chị H thì không xảy ra vấn đề liên quan đến cháy, nổ, không gây hậu quả gì về cháy nổ. Sau khi hàn xong cho chị H, Đ kéo máy hàn về gian hàng Đình số 40 của gia đình. Lúc này chị G đã dọn hết hàng hoá ra ngoài lối đi. Đ dùng máy hàn điện hàn 04 điểm trên giá sắt treo hàng tại vách tôn phía Đông tiếp giáp gian hàng Đình số 39 (B6) của chị Nguyễn Thị H5, trú tại thôn A, xã G, huyện G. Sau đó, Đ tiếp tục hàn giá sắt treo hàng tại vách tôn phía Tây tiếp giáp gian hàng Đình số 41 (B8) của chị Vũ Thị H6, trú tại xã G, huyện G kinh doanh bán quần áo, chăn màn (gian hàng khóa cửa). Khi Đ đang hàn 02 điểm mỗi hàn tại góc vách tôn tiếp giáp với gian hàng Đình số 29 (B37) của chị Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1986, trú tại thôn X, xã G, huyện G; gian hàng Đình số 30 (B36) của chị Đình Thị Phương L3, trú tại thôn A, xã G, huyện G kinh doanh bán hàng quần áo (gian hàng khóa cửa) và gian hàng Đình số 41 (B8) của chị H6, trong quá trình Đ hàn điện, các xỉ hàn rơi xuống bắn sang quần áo, vải ở góc gian hàng Đình số 30 (B36) của chị Đình Thị Phương L3 làm bén cháy hàng hóa, nhưng Đ không biết. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi Đ đang tiếp tục hàn mỗi hàn thứ 3 và thứ 4 tại vách tôn giáp gian hàng Đình số 41 (B8) của chị H6, sát cửa gian hàng Đình số 40 của gia đình Đ thì có khói bốc lên tại góc trong gian hàng Đình số 30 (B36) tiếp giáp gian hàng của gia đình Đ. Chị G đứng ngoài nhìn thấy vậy nên hô to: “*Ông ơi cháy*”. Đ nhìn sang góc gian hàng phía Đông Bắc tiếp giáp gian hàng Đình số 30 (B36) và gian hàng Đình số 41 (B8) thì thấy có lửa cháy và khói đen bốc lên to ở góc trong gian hàng Đình số 30 (B36) tiếp giáp với gian hàng của Đ. Biết là trong quá trình hàn điện để xảy ra cháy hàng hóa bên trong gian hàng của hộ kinh doanh liền kề, sợ các hộ kinh doanh bức xúc vì gây ra cháy nên Đ vội thu dọn máy hàn điều khiển xe mô tô chở máy hàn về nhà, không ở lại tham gia chữa cháy. Chị G hô hoán báo cháy, dùng nước hắt vào vách ngăn gian hàng để dập lửa, nhưng do lửa bén vào hàng hoá là quần áo, vải nên đám cháy bùng lên nhanh và cháy lan sang các gian hàng liền kề, hơn nữa phần lớn các gian hàng khóa cửa ngoài, có vách tôn kín nên không thể chữa cháy được nữa. Chị G và chị Nguyễn Thị H ôm số hàng hóa của chị H ra ngoài cổng chợ, hô hoán mọi người chữa cháy. Sau đó người dân đã tiến hành chữa cháy cứu một phần tài sản và báo lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đến chữa cháy. Đến 13 giờ 00 phút cùng ngày thì đám cháy được người dân và lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Ninh Bình dập tắt hoàn toàn.

* **Hậu quả:** Làm hư hỏng: 877,2m² mái tôn, xà gồ thép; 8,47m³ cột bê tông cốt thép, 49,35m² nền bê tông là cơ sở vật chất của chợ Gián là tài sản của UBND xã G;

Làm hư hỏng tài sản là cơ sở vật chất và hàng hóa các loại của 46 hộ kinh doanh trong chợ G2.

Quá trình điều tra, Kiều Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*** Về kết quả trưng cầu giám định:**

Ngày 09/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 87/CSĐT Trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh N giám định nguyên nhân cháy, xác định điểm xuất phát cháy và nguyên nhân xảy ra cháy. Tại kết luận giám định số 79/KLGD-PC09-ChN ngày 06/12/2019 của Phòng K - Công an tỉnh N kết luận:

- *Điểm xuất phát cháy: Tại vị trí trên nền góc phía Tây Nam ki ốt B, cạnh cột trụ bằng thép vị trí các góc tiếp giáp của ki ốt B7, B8, B36 và B37 (theo ký hiệu trong sơ đồ khám nghiệm hiện trường).*

- *Nguyên nhân gây cháy: Do quá trình hàn cắt kim loại xỉ hàn có nhiệt độ cao rơi vào hàng hóa là vải, quần áo làm bén cháy hàng hóa, cháy lan ra xung quanh và gây ra vụ cháy nói trên.*

*** Về thu giữ vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã thu giữ, quản lý vật chứng theo quy định pháp luật.

*** Về kết quả định giá tài sản và yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự:**

- Kết quả định giá tài sản là cơ sở vật chất của UBND xã G giao cho Ban quản lý chợ Gián quản lý, sử dụng và yêu cầu bồi thường dân sự:

Ngày 19/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 06, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G tiến hành định giá tài sản bị thiệt hại là cơ sở vật chất của chợ G2 thuộc sở hữu của UBND xã G.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG-HĐ ngày 03/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: *Giá trị tài sản trực tiếp bị thiệt hại do cháy chợ Gián ngày 09/11/2020 được sửa chữa, thay thế (Sau khi tính khấu hao tài sản đối với tài sản được thay mới hoàn toàn, không định giá phần kinh phí công tác lắp đặt, tháo dỡ, dọn dẹp, vận chuyển) bao gồm: Giá trị tài sản được thay thế mới đối với phần tài sản bị thiệt hại do cháy chợ G2, hạng mục: Đình chợ là 243.215.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).*

Đối với phần cơ sở vật chất còn lại gồm: Phần mái tôn, vì kèo, xà gồ thép và tường, cột bê tông bị ảnh hưởng do khói, nhiệt của vụ cháy gây ra. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành làm việc với UBND xã G, thu thập tài liệu để làm căn cứ định giá, tuy nhiên UBND xã G xác định thiệt hại của phần cơ sở vật chất này không đáng kể, hiện vẫn đang còn sử dụng được, vì vậy UBND xã không kê khai, không đề nghị định giá và không yêu cầu bồi thường đối với phần thiệt hại này.

+ Về yêu cầu bồi thường dân sự: Đối với phần tài sản là cơ sở vật chất bị thiệt hại hư hỏng hoàn toàn, đã được thay thế và đã được định giá, Ông Nguyễn Xuân H10 – Chủ tịch UBND xã G (Đại diện UBND xã G) yêu cầu Kiều Đình Đ bồi thường cho UBND xã G theo giá trị tài sản đã định giá với số tiền là **243.215.000 đồng**. Ngoài ra không yêu cầu đề nghị bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác.

- Kết quả định giá tài sản là tài sản thiệt hại của các hộ kinh doanh trong chợ G2 (gồm hàng hóa và cơ sở vật chất mà các hộ kinh doanh sửa chữa sau khi thuê ki ốt) và yêu cầu bồi thường dân sự:

Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành thu thập tài liệu, xác minh làm rõ đặc điểm, nguồn gốc xuất xứ hàng hoá và cơ sở vật chất các hộ kinh doanh đã kê khai, đồng thời ra các Yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị tài sản bị thiệt hại đối với 45 hộ kinh doanh. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G đã có Kết luận định giá tài sản xác định giá trị tài sản bị thiệt hại của 45 hộ kinh doanh cụ thể như sau:

+ Ngày 28/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G đã có Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG–HĐ kèm theo 26 phụ lục xác định tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của 26 hộ kinh doanh là **2.833.880.000 đồng** (Hai tỷ tám trăm ba mươi ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Ngày 28/12/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G đã có Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG–HĐ kèm theo 09 phụ lục, xác định giá trị tổng tài sản bị thiệt hại của 09 hộ kinh doanh là **397.400.000 đồng** (Ba trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Ngày 27/03/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G đã ra Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KLĐG-HĐ kèm theo 11 phụ lục, xác định tổng giá trị tài sản thiệt hại của 11 hộ kinh doanh (trong đó có hộ kinh doanh Bùi Thị H1 định giá lại) là **1.839.906.950 đồng** (Một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu chín trăm linh sáu nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại xác định được của 45 bị hại kinh doanh tại chợ G2 do vụ cháy gây ra ngày 09/11/2019 là **5.071.186.950 đồng** (Năm tỷ không trăm bảy mươi một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Kiều Đình Đ đã bồi thường **120.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi triệu đồng), cho một số bị hại, cụ thể: chị Phạm Thị P số tiền 3.692.000 đồng; chị Trịnh Thị H3 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Vũ Thị C3 số tiền là 7.384.000 đồng; chị Nguyễn Thị H5 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Trần Thị T3 số tiền là 11.076.000 đồng; chị Vũ Thị H6 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim L2 số tiền là 7.384.000 đồng; chị Đinh Thị Phương L3 số tiền là 11.076.000 đồng; chị Mai Thị X số tiền là 1.846.000 đồng; chị Dương Thị N1 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Vũ Thị Kim C4 số tiền là 14.768.000 đồng. anh Bùi Công T6 số tiền là 14.778.000 đồng; anh Hoàng Văn T7 số tiền là 7.384.000 đồng; anh Nguyễn Văn T8 số tiền là 3.692.000 đồng; anh Nguyễn Trắc B1 số tiền là 7.384.000 đồng; chị Nguyễn Thị C5 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Nguyễn Thị L2 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Phạm Thị M1 số tiền là 3.692.000 đồng; chị Nguyễn Thị H9 số tiền là 3.692.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có khiếu nại, ý kiến gì về kết luận giám định và kết quả định giá nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 313; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, 346,

584, 585, 589; xử phạt bị cáo Kiều Đình Đ 06 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường trách nhiệm dân sự; áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; về án phí, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024 bị cáo Kiều Đình Đ có đơn kháng cáo xem xét lại bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo điểm c khoản 3 Điều 313 là không đúng, không khách quan. Hành vi của bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 313 của Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về Bồi thường thiệt hại và xem xét miễn, giảm án phí dân sự, hình sự sơ thẩm và phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Kiều Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Đình Đ; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 313; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Kiều Đình Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Kiều Đình Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường với tổng số tiền là **3.984.591.500 đồng** bao gồm:

- Bồi thường cho UBND xã G số tiền 243.215.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng);
- Bồi thường cho 35 bị hại với tổng số tiền là **3.741.376.500 đồng**, số tiền bồi thường cụ thể cho từng bị hại theo danh sách bị hại được bồi thường lập kèm theo bản án.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Kiều Đình Đ đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia viễn tỉnh Ninh Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo Kiều Đình Đ không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Kiều Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Người bào chữa cho bị cáo Kiều Đình Đ phát biểu:

Giữ nguyên quan điểm như phiên tòa sơ thẩm đã trình bày: Không đồng ý với giá trị hàng hóa thiệt hại theo kết quả định giá tài sản theo kết luận định giá số 05/KLĐG-HĐ ngày 28/4/2023, 20/KLĐG-HĐ ngày 28/12/2023; 06/KLĐG-HĐ ngày 27/3/2024 của 45 hộ kinh doanh tại chợ G2 với tổng giá trị là 3.984.591.500 đồng vì không có tài liệu thể hiện đặc điểm pháp lý, kinh tế, kỹ thuật của tài sản cần định giá, không có hóa đơn chứng từ, hợp đồng mua bán, phiếu xuất hàng, nhập hàng...(các chứng từ kế toán hợp pháp để chứng minh chính xác số lượng, khối lượng hàng hóa mà các hộ kinh doanh tại chợ G2 nhập về lưu trữ hoặc bày bán tại chợ, và Hội đồng định giá cũng không qua kiểm kê trực tiếp số hàng hóa bị thiệt hại của hộ kinh doanh tại chợ G2 bị thiệt hại do cháy chợ gây ra) và cho rằng không đủ căn cứ để định giá đối với các thiệt hại của các hộ kinh doanh tại chợ G2 đã bị cháy trong vụ án này.

Đề nghị Tòa án xác định bị cáo Kiều Đình Đ phạm tội theo khoản 1 Điều 313, đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 313 BLHS. Đồng thời xem lại trách nhiệm bồi thường, xem xét miễn giảm án phí (gồm án phí hình sự, dân sự ở cả cấp sơ thẩm và phúc thẩm).

Đề nghị xem xét trách nhiệm của UBND xã G, Ban quản lý chợ Gián trong việc để xảy ra vụ việc cháy chợ này, xem xét trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Kiều Đình Đ bồi thường các thiệt hại xảy ra; Về việc định giá tài sản bị thiệt hại cũng không xác thực, không khách quan.

Không có cơ sở để định giá nhưng Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G vẫn ban hành Kết luận định giá số 05/KLĐG-HĐ ngày 28/4/2023; 20/KLĐG-HĐ ngày 28/12/2023; 06/KLĐG-HĐ ngày 27/3/2024 – Những kết luận định giá không chính xác, không xác thực, không khách quan nên những Kết luận định giá này của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của huyện G không thể là chứng cứ để chứng minh hành vi của ông Kiều Đình Đ đã gây thiệt hại **5.071.186.950 đồng** và quyết định ông Kiều Đình Đ phạm tội theo điểm c khoản 3 Điều 313 BLHS và buộc ông Kiều Đình Đ phải chịu mức hình phạt 6 năm 6 tháng là oan sai về khung hình phạt. Hành vi của ông Kiều Đình Đ chỉ phải chịu TNHS theo quy định tại khoản 1 Điều 313 BLHS.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo bản thân mang trọng bệnh trong mình nhưng bị cáo đã vay mượn và bồi thường, khắc phục thêm được số tiền: 30.000.000 đồng đồng.

Từ những phân tích và lập luận bên trên, tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp thuận kháng cáo của bị cáo và sửa Bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, tuyên:

+ Về hình phạt: hành vi phạm tội của bị cáo Kiều Đình Đ theo khoản 1 Điều 313 BLHS; và đồng thời áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của BLHS cho bị cáo Kiều Đình Đ hưởng một mức án dưới mức thấp nhất hoặc bằng mức thấp nhất của khung hình phạt (02 năm);

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Đình Đ phải liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho UBND xã G số tiền 243.215.000 đồng (theo Kết luận định giá

tài sản số 31/KLĐG-HĐ ngày 03/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G).

Đại diện VKS tranh luận đối đáp với người bào chữa, bị cáo:

* Việc luật sư và bị cáo cho rằng Ban quản lý chợ Gián và UBND xã G vi phạm quy định trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, đặc biệt là theo quy định tại Nghị định 79, là một phần nguyên nhân góp phần tạo điều kiện để bị cáo dễ dàng phạm tội “VPQĐ về phòng cháy chữa cháy” là không đúng, bởi lẽ:

+ UBND xã đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho chợ G2 theo kiến nghị và được Phòng Cảnh sát PCCC-CNCH Công an tỉnh phê duyệt năm 2018, tức là trước khi vụ cháy diễn ra (BL 355-367).

+ Ban quản lý chợ G2 đã ban hành nội quy hoạt động của chợ, nội quy về phòng cháy, chữa cháy của chợ - BL 352-354, trong đó tại Điều 5 quy định rõ về việc đảm bảo phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thiên tai. Ban quản lý chợ đã thành lập tổ phòng cháy chữa cháy dân phòng để thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy (BL 372-378).

+ Ban quản lý chợ đã thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra nhắc nhở các hộ kinh doanh trong chợ (BL 326, 329, 332 - lời khai các ông Đào Tử P1, Bùi Văn N4, Vũ Hồng H11 và BL 391 - Kết luận trong Biên bản kiểm tra PCCC gần nhất là ngày 01/7/2019). Đã tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC (Biên bản tổng kết lớp tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ an toàn PCCC - BL 393). Từ đó các hộ kinh doanh đều đã có bản cam kết phòng cháy chữa cháy (BL 394-450), trong đó có hộ kinh doanh Phạm Thị G là vợ bị cáo đã ký cam kết - BL 439.

Việc bị cáo Đ vi phạm trong quy định về hàn điện, vi phạm nội quy chợ và hợp đồng thuê ki ốt, mới là nguyên nhân chính gây ra cháy chợ Gián

Trong vụ án này, bị cáo Kiều Đình Đ mang máy hàn vào chợ và tự ý sửa chữa hàn điện trong ki ốt của mình không xin phép bảo vệ chợ hoặc Ban quản lý chợ, sau đó vi phạm quy định trong quá trình hàn điện, gây ra cháy đã vi phạm nội quy chợ và vi phạm hợp đồng thuê ki ốt đã ký với chợ G2. Nếu như bị cáo xin phép Ban quản lý chợ và nếu như Ban quản lý chợ đồng ý cho bị cáo hàn sửa ki ốt, sau đó xảy ra cháy thì mới có trách nhiệm của Ban quản lý chợ, nhưng thực tế bị cáo không xin phép ai. Do đó nguyên nhân chính xảy ra vụ cháy ở đây là lỗi của bị cáo. Hơn nữa, việc đám cháy lây lan trên diện rộng phải kể đến trách nhiệm của chính bị cáo trước tiên, khi xảy ra cháy, bị cáo và vợ là người đầu tiên phát hiện, nhưng bản thân bị cáo không những không báo cáo Ban quản lý chợ, không tham gia chữa cháy mà bị cáo còn thu dọn đồ nghề hàn của mình và bỏ chạy khỏi hiện trường.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại đều cho rằng UBND xã G và Ban Q1 đã hoàn thành trách nhiệm của mình, hệ thống cấp nước, phòng cháy, chữa cháy tại chợ đã được UBND xã và Ban quản lý chợ lắp đặt đầy đủ, Ban quản lý chợ đã làm đúng chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thiếu sót trong quản lý hành chính về phòng cháy chữa cháy không phải là nguyên nhân dẫn đến cháy mà nguyên nhân trực tiếp từ hành vi vi phạm của bị cáo Kiều Đình Đ; mặt khác khi phát hiện ra bản thân làm cháy bị cáo Đ không những không kêu báo động để mọi người cùng chữa cháy mà bị cáo còn dọn đồ đạc cá nhân chạy trốn dẫn đến khi phát hiện đám cháy đã cháy lan trên diện rộng.

Về trách nhiệm của UBND và Ban quản lý chợ G2, các bị hại đều cho rằng UBND xã G và Ban Q1 đã hoàn thành trách nhiệm của mình, hệ thống cấp nước, phòng cháy, chữa cháy tại chợ đã được UBND xã và Ban quản lý chợ lắp đặt đầy đủ, Ban quản lý chợ đã làm đúng chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thiếu sót trong quản lý hành chính về phòng cháy chữa cháy không phải là nguyên nhân dẫn đến cháy mà nguyên nhân trực tiếp từ hành vi vi phạm của bị cáo Kiều Đình Đ; mặt khác khi phát hiện ra bản thân làm cháy bị cáo Đ không những không kêu báo động để mọi người cùng chữa cháy mà bị cáo còn dọn đồ đạc cá nhân chạy trốn dẫn đến khi phát hiện đám cháy đã cháy lan trên diện rộng, gây thiệt hại lớn.

* Việc luật sư và bị cáo cho rằng việc định giá tài sản thiệt hại không xác thực, không khách quan viện kiểm sát thấy rằng;

Những tài sản là hàng hóa và cơ sở vật chất của các hộ kinh doanh trong vụ án này là tài sản có thật, và đã bị cháy hết, điều đó thể hiện ở các biên bản ghi lời khai của các bị hại, các biên bản xác minh về nguồn gốc của các tài sản,... và thể hiện rõ ở lời khai của những người bị hại có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Sau khi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G bổ sung hồ sơ pháp lý, thông số - kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, hóa đơn mua hàng, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã làm việc với các hộ kinh doanh bị thiệt hại, yêu cầu cung cấp các thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, hóa đơn mua hàng để làm căn cứ định giá (thể hiện qua lời khai đối với các bị hại và các biên bản xác minh nguồn gốc), sau đó gửi kèm theo Yêu cầu định giá tài sản đối với từng bị hại (BL 1012-1057). Đối với những bị hại cung cấp được các thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ,.. thì tiến hành định giá, còn đối với những tài sản không đủ thông số như trên thì không tiến hành định giá, thể hiện qua các Biên bản họp định giá tài sản ngày 27/3/2023 (BL 1058); 23/11/2023 (BL 1141) và 20/3/2024 (BL 1175). Sau đó, tại 03 Kết luận định giá tài sản: Lần thứ nhất tại Kết luận định giá số 05/KLĐG-HĐ ngày 28/4/2023, trong đó hội đồng từ chối định giá của 05 hộ, định giá 21 hộ với tổng số tiền định giá 2.833.880.000 đồng. Lần thứ 2 tại kết luận định giá số 20/KLĐG-HĐ ngày 28/12/2023, trong đó hội đồng từ chối định giá của 02 hộ, chưa định giá 04 hộ, định giá 07 hộ với tổng số tiền định giá 397.400.000 đồng.

Các bị hại trình bày quan điểm đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá, vì thiệt hại của các bị hại là thiệt hại thực tế, việc kê khai thiệt hại của các bị hại là trung thực, khách quan. Bản thân các bị hại kê khai được là do hàng ngày khi bán hàng đều có kiểm kê hàng hóa, ghi chép sổ sách đầy đủ, sau khi cháy đã lập tức kiểm kê lại tài sản thiệt hại của mình. Quá trình kê khai đã trải qua quá trình xác minh kỹ của cơ quan điều tra công an huyện G, do vậy không đồng ý với quan điểm của người bào chữa về vấn đề xác định giá trị thiệt hại. Vì vậy các Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản là xác thực, khách quan, đủ yếu tố được coi là chứng cứ.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm trình bày quan điểm đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá, vì thiệt hại của các bị hại là thiệt hại thực tế, việc kê khai thiệt hại của các bị hại là trung thực, khách quan, do vậy không đồng ý với quan điểm của người bào chữa về vấn đề xác định giá trị thiệt hại;

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra trong số 45 bị hại là người kinh doanh tại chợ G2 thì có 35 bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền yêu cầu là 3.349.234.500 đồng; có 10 bị hại đã rút đơn đề nghị, không yêu cầu ai phải bồi thường cho mình.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt để chăm sóc con cái còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị B3 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Kiều Đình Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 09/11/2019, tại chợ G2 thuộc xã G, huyện G, Kiều Đình Đ là người không có chứng chỉ về công việc hàn điện, không được huấn luyện về an toàn lao động và không được cấp thẻ an toàn nhưng đã có hành vi sử dụng máy hàn điện để hàn giá treo hàng hóa của gia đình Đ tại Đình chợ số 40, chợ G2, xã G. Mặc dù biết chợ G2 là nơi có nhiều loại hàng hóa là quần áo, vải vóc có nguy cơ cháy cao nhưng Đ đã không sử dụng các biện pháp, thiết bị đảm bảo an toàn để phòng cháy, vi phạm khoản 3b Điều 5 Luật Phòng cháy chữa cháy và vi phạm điểm 2.1.4, 2.2.17, 3.4.2.1 - QCVN 3:2011/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện ban hành theo Thông tư số 20/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Bộ L6, nên khi Đ hàn điện đã để cho các xỉ hàn có nhiệt độ cao bắn rơi vào quần áo vải làm bén cháy hàng hóa, sau đó cháy lan ra xung quanh làm hư hỏng cơ sở vật chất và hàng hóa các loại của 46 hộ kinh doanh và cơ sở vật chất của chợ G2; Bị cáo Kiều Đình Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy".

Về tình tiết định khung hình phạt: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng nhận định nhận thấy về phương pháp định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G sử dụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, điều này đã được bị cáo, người bào chữa của bị cáo công nhận trong quá trình xét xử tại phiên tòa; khi tiến hành định giá, Hội đồng định giá đã yêu cầu cơ quan điều tra cung cấp bổ sung hồ sơ pháp lý, thông số - kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, hóa đơn mua hàng, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã làm việc với các hộ kinh doanh bị thiệt hại, yêu cầu cung cấp các thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, hóa đơn mua hàng để làm căn cứ định giá (thể hiện qua lời khai đối với các bị hại và các biên bản xác minh nguồn gốc), sau đó gửi kèm theo Yêu cầu định giá tài sản đối với từng bị hại (BL 1012-1057); chỉ những tài sản đủ điều kiện định giá mới được Hội đồng xem xét định giá.

Bà Phạm Thị G là vợ của bị cáo cùng xác nhận thiệt hại của các hộ kinh doanh là có thật, không thể đầy đủ hóa đơn chứng từ, do vậy việc Hội đồng định giá

căn cứ vào các biên bản xác minh, các bản kê khai có xác minh và các tài liệu khác đảm bảo căn cứ pháp lý để xác định giá trị thiệt hại do hành vi của bị cáo Kiều Đình Đ gây cháy chợ G2 với tổng giá trị thiệt hại là **5.314.401.950 đồng**.

Hành vi của bị cáo Đ đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 313 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Kiều Đình Đ xin được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, an toàn cháy nổ, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, nhận thức được việc hàn điện mà không chấp hành quy định về phòng cháy chữa cháy dễ có nguy cơ gây cháy nổ, nhưng bị cáo vẫn thực hiện mà không có biện pháp bảo đảm an toàn nên đã gây ra cháy và gây ra các thiệt hại, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần có một mức án thật nghiêm minh, nhằm giáo dục, cảnh tỉnh riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối xã hội. Bị cáo là người có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định phòng cháy” là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới có tại cấp phúc thẩm, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới song xét thấy Bản án Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo Đ 06 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HSST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Đình Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường với tổng số tiền là **3.984.591.500 đồng** như Bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ, đúng pháp luật, bao gồm:

- Bồi thường cho UBND xã G số tiền 243.215.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho 35 bị hại với tổng số tiền là **3.741.376.500 đồng**, số tiền bồi thường cụ thể cho từng bị hại theo danh sách bị hại được bồi thường lập kèm theo bản án.

[5] Về án phí: Bị cáo Kiều Đình Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm như Bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Kiều Đình Đ không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 313; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;
khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Đình Đ, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Xử phạt bị cáo Kiều Đình Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về phòng cháy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Đình Đ phải chịu trách nhiệm bồi thường với tổng số tiền là **3.984.591.500 đồng** (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, năm trăm đồng*), cụ thể:

- Bồi thường cho UBND xã G số tiền 243.215.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng);

- Bồi thường cho 35 bị hại với tổng số tiền là **3.741.376.500 đồng** (*ba tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*), số tiền bồi thường cụ thể cho từng bị hại theo danh sách bị hại được bồi thường, kèm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Kiều Đình Đ đã nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả theo Biên lai số 001476 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia viễn tỉnh Ninh Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí: Bị cáo Kiều Đình Đ phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 111.691.000 (*một trăm mười một triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo Kiều Đình Đ phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/11/2024.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (01 bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- KT NV THA (02 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
- Phòng HSNV - Công an Ninh Bình (01 bản);
- TAND – huyện G (4 bản);
- VKSND – huyện G (01 bản);
- Chi cục THA – huyện G (01 bản);
- Công an – huyện G (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu hồ sơ, lưu tòa, HCTP (03 bản);
- Thông báo chính quyền địa phương b/c.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hiệp

